

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HSST
Ngày 07-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lý

2. Ông Nguyễn Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhớ - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B (đã chết) và con bà Huỳnh Thị M; có vợ Võ Thị M (đã ly hôn), có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/10/2023 cho đến nay. Có mặt.

- Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: 35 Trần Văn Ơ, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Cháu Trần Thảo M, sinh năm 2009; địa chỉ: 35 Trần Văn Ơ, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Trần Thảo M: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: 35 Trần Văn Ơ, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1982, trú tại Tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai) làm nghề buôn bán thịt heo tại chợ Bình Đoàn 15, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Khoảng cuối tháng 5, đầu tháng 6 năm 2023, chị H thuê Nguyễn Văn K đến nhà chị H để mổ heo cho chị H trong khoảng thời gian từ 10 ngày đến 15 ngày. Sau đó, chị H thấy việc tự mổ heo ở nhà để bán vất vả nên không tiếp tục thuê K mổ heo nữa mà đưa heo đến mổ thuê tại lò mổ ở Tổ 4, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, đồng thời bán cho K 01 chảo dùng để đun nước làm heo với giá 2.000.000 đồng.

Vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 25/6/2023, Nguyễn Văn K gọi điện thoại cho chị Nguyễn Thị H nói buổi chiều cùng ngày sẽ đến nhà chị H lấy chảo và mượn chiếc xe lô của chị H để chở chảo về; nghe vậy chị H đồng ý và nói với K: *“Nhà có con bé, anh lấy thì ghé lấy chứ em không có ở nhà”*. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô biển số 81FB-7296 đến nhà chị H, gặp cháu Nguyễn Thảo M (sinh năm 2009, là con chị H) đang xem tivi ở trong phòng khách, K hỏi cháu M *“Mẹ đâu?”*, cháu M nói *“Mẹ con đi đâu rồi con cũng không biết”*, K tiếp tục hỏi cháu M *“Mẹ con đi lâu chưa?”*, cháu M trả lời *“Mẹ con mới đi mới đây”* thì K nói *“Chú lấy cái chảo”*, do cháu M đã được chị H dặn trước về việc K đến lấy chảo nên cháu M đồng ý, K ở ngoài sân lấy chiếc xe lô cột vào xe mô tô biển số 81FB-7296 rồi lấy chảo để vào trong chiếc xe lô; lúc này, K thấy cháu M đang ở trong phòng khách xem ti vi, bên ngoài sân không có ai nên K đi đến khu vực nhà kho của chị H, dùng hai tay bê chiếc máy xay thịt của chị H để lên chiếc xe lô rồi chở chiếc chảo và chiếc máy xay thịt về nhà. Khoảng 17 giờ cùng ngày, chị H về nhà, phát hiện bị mất chiếc máy xay thịt nên hỏi cháu M thì cháu M nói cho chị H biết việc K đã lấy chiếc máy xay thịt, nhưng do cháu M nghĩ là chị H đã cho K mượn nên cháu M để K lấy chiếc máy xay thịt. Sau đó, chị H và cháu M đến nhà K nói chuyện, yêu cầu K trả lại chiếc máy xay thịt. K thừa nhận đã lấy chiếc máy xay thịt của chị H nhưng cho rằng vì chị H nợ K số tiền 3.000.000 đồng không trả nên K lấy, giữ chiếc máy xay thịt mục đích để buộc chị H phải trả cho K số tiền trên, chị H không đồng ý, không thừa nhận đã vay, mượn tiền của K nên K không trả lại chiếc máy xay thịt cho chị H. Ngày 28/6/2023, chị H đến Công an phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai trình báo vụ việc; Công an Phường Y, thành phố P đã nhiều lần mời K lên làm việc, yêu cầu K trả lại tài sản cho chị H, nhưng K không chấp hành; đến ngày 13/7/2023, Công an phường Y, thành phố P chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P để tiếp tục xác minh, thụ lý theo thẩm quyền.

Qua định giá, xác định 01 (một) máy xay thịt, nhãn hiệu AKS, Model TS-102, No AK00722, kích thước (45x20x29,5)cm, tình trạng đã qua sử dụng, hoạt động bình thường, bị chiếm đoạt ngày 25/6/2023; giá trị tại thời điểm chiếm đoạt

là 2.700.000 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý trả lại cho chị Nguyễn Thị H.

Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển số 81FB-7296 là phương tiện Nguyễn Văn K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do ông Ngô Đình Đ (sinh năm 1948, trú tại khu tập thể Sở Lao động, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đứng tên đăng ký nhưng ông Đ đã chết; qua làm việc với bà Nguyễn Thị H (là vợ ông Đ) thì sau khi ông Đ chết, bà H đã bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ và không làm thủ tục sang tên; đồng thời, K đã bán lại chiếc xe này cho một người thu mua phế liệu (không rõ họ tên, lai lịch). Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku không thu giữ được xe mô tô biển số 81FB-7296 nêu trên.

Về dân sự: Sau khi nhận lại máy xay thịt bị chiếm đoạt, chị Nguyễn Thị H không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại Bản Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K mức án từ 06 đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, rất hối hận về hành vi phạm tội đã thực hiện, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, Kiểm sát viên trong quá

trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ, kết quả định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 25/6/2023, tại nhà số 35 đường Trần Văn O, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai, Nguyễn Văn K đã lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị H 01 máy xay thịt, nhãn hiệu AKS trị giá 2.700.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố bị cáo Nguyễn Văn K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Quyền sở hữu về tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm bất hợp pháp đều bị nghiêm trị theo quy định của pháp luật.

[4] Xét hành vi của bị cáo thì thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Văn K cho rằng chị H nợ của bị cáo số tiền 3.000.000 đồng nên khi đến nhà chị H để chờ chảo nấu nước bị cáo đã mua trước đó thì bị cáo vào kho lấy máy xay thịt của chị H, mục đích để chị H trả tiền nợ cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo không cung cấp được chứng cứ chị H nợ bị cáo 3.000.000 đồng, chị H cũng không thừa nhận. Bị cáo hoàn toàn đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút lấy máy xay thịt của chị H là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân một cách trái pháp luật, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã thực hiện.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ và nhân thân: Bị cáo K có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Xét mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân bị cáo tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, áp dụng quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Đối với xe mô tô biển số 81FB-7296 là phương tiện Nguyễn Văn K sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, do ông Ngô Đình Đ (sinh năm 1948, trú tại khu tập thể Sở Lao động, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai) đứng tên đăng ký nhưng ông Đ đã chết; qua làm việc với bà Nguyễn Thị H (là vợ ông Đ) thì sau khi ông Đ chết, bà H đã bán cho người không rõ họ tên, địa chỉ và không làm thủ tục sang tên; đồng thời, K đã bán lại chiếc xe này cho một người thu mua phế liệu (không rõ họ tên, lai lịch). Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.Pleiku không thu giữ được xe mô tô biển số 81FB-7296 nêu trên là có cơ sở.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày 07/3/2024.

Giao bị cáo Nguyễn Văn K cho Ủy ban nhân dân phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn K thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. P;
- Công an Tp. P;
- Chi cục THADS Tp. P;
- Bị cáo, người bào chữa (nếu có);
- UBND phường Y;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu